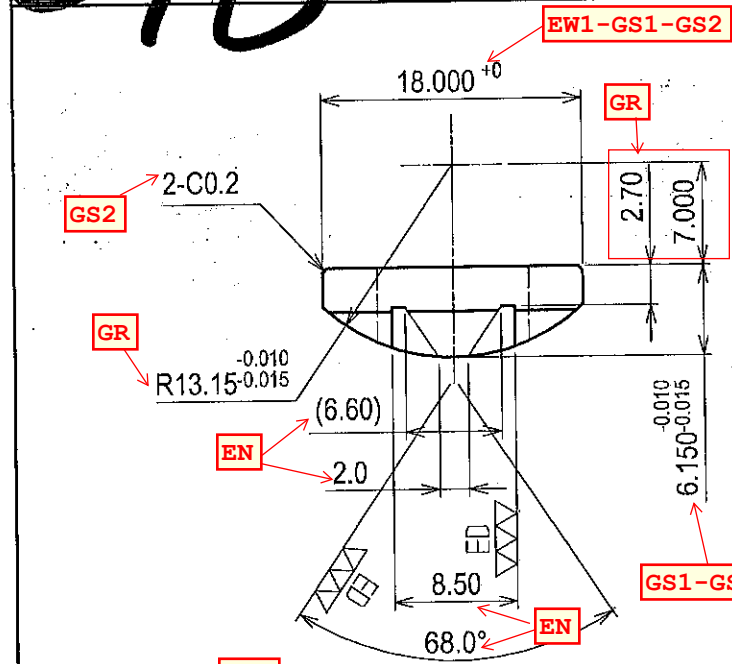
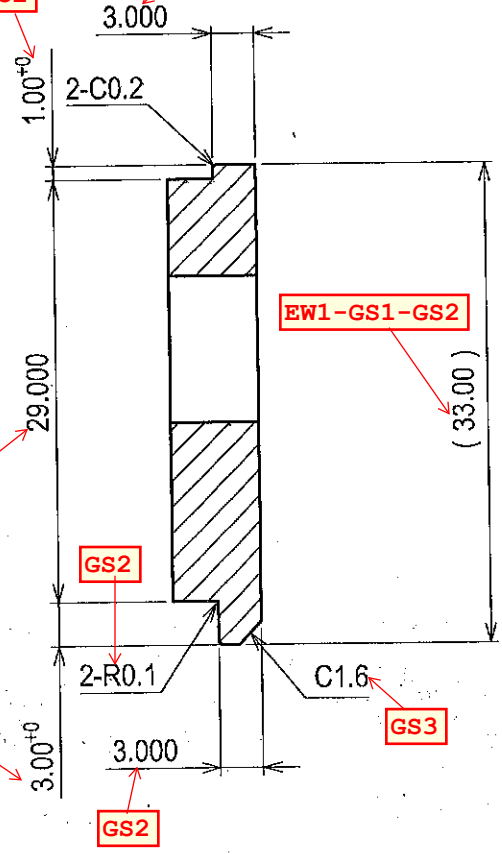
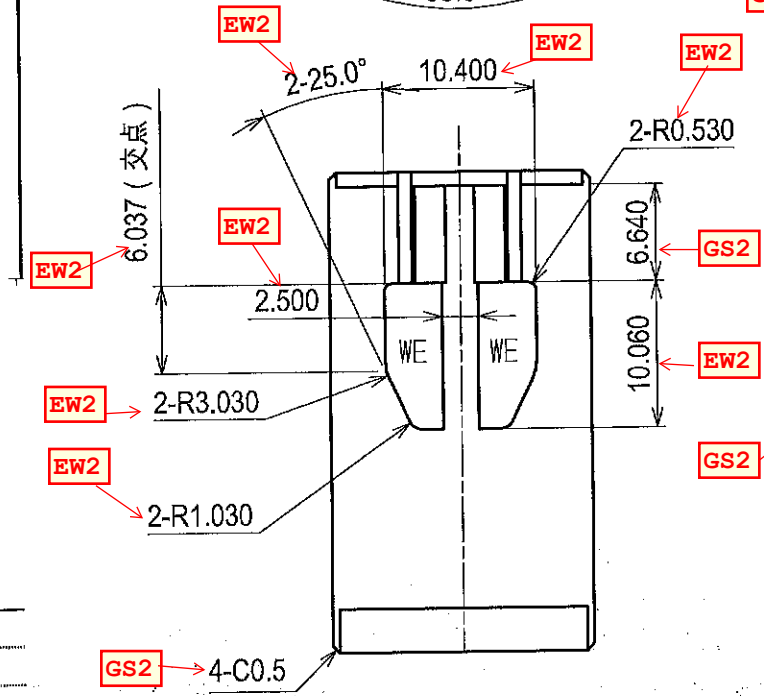


MT

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init.	2012/06/08	新規設計		Zeng Zhao Xiang	Zhang Guang Wu	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <span>G</span> <span>WE</span> <span>ED</span> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <span>▽</span> <span>(▽▽▽)</span> <span>▽</span> </div>			



**EW ra phôi: T7\*18.5\*33.5**  
**GS1:**  
 -6.150=>lượt sáng  
 -18.000=>18.05  
 -33.000=>33.05



60/  
110/  
80/  
120/  
350/  
120/  
2/10

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Zeng Zhao Xiang	Zhang Guang Wu	部品図		切起しダイ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		LOUVERING DIE	
HRC		部品図		切起下模	
		部品図		切起下模	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2012/06/08	2:1		<b>S861817</b>	

T7 X 21 X 36

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 2021 11.475

SNO: **S861817**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T7*19*34</b>	EW1:40 GS1:40 ED:20 EW2:90 GS2:150 GR:150 GS3:15 EN:150 KT